

BÁO CÁO
Thường niên năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
 - Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : Công ty cổ phần Thanh Hoa Sông Đà
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2800772376
- Vốn điều lệ : 30.000.000.000đ (Ba mươi tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 30.000.000.000đ (Ba mươi tỷ đồng)
- Địa chỉ : 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa
- Số điện thoại : 02373 724 892 / 02373 855 750
- Số fax/Fax : 02373 855 750
- Website : <http://thanhhoasongda.com.vn>
- Mã cổ phiếu : THS

- Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Thanh Hoa Sông Đà tiền thân là Công ty công nghệ phẩm Thanh Hóa, cổ phần hóa theo Nghị định 64/CP của Chính phủ.

Ngày 15/09/2003, UBND tỉnh Thanh Hóa đã phê duyệt Quyết định số 2941/QĐ/UB về việc chuyển đổi Công ty công nghệ phẩm Thanh Hóa thành công ty cổ phần với mức vốn điều lệ 5 tỷ đồng, lấy tên là Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Thanh Hoa.

Do nhu cầu bức thiết phải đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tháng 5/2004, Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Thanh Hoa đã mời Tổng Công ty Sông Đà góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà với số vốn điều lệ là 10,1 tỷ đồng, trong đó Tổng Công ty Sông Đà nắm giữ 51%.

Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty đã trải qua hai lần tăng vốn điều lệ. Tính đến năm 2010, Công ty chính thức ghi nhận mức vốn điều lệ là 30 tỷ đồng.

Năm 2014 Tổng Công ty Sông Đà thoái vốn (51% VDL) tại Công ty theo chủ trương chung của Nhà nước và Kế hoạch tổ chức lại Tổng công ty Sông Đà đã được Bộ Xây Dựng Phê duyệt. Từ ngày 26/05/2014 Công ty không còn phần vốn góp của Nhà nước, chuyển sang cơ chế quản lý mới với 100% vốn góp của các thể nhân.

Ngày đăng ký trở thành Công ty đại chúng: 12/04/2008

Ngày niêm yết CP công ty trên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội : 05/11/2013

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của công ty là kinh doanh thương mại bán buôn các mặt hàng tiêu dùng và dịch vụ cho thuê mặt bằng kinh doanh

- Kinh doanh thương mại

- ✓ Tổ Gia dụng: Bán buôn các mặt hàng sứ Hải Dương, Nhôm sắt tráng men Hải Phòng, nhựa Đại Đồng Tiến ...
- ✓ Tổ Nội thất: Cung cấp và lắp đặt nội thất Hòa Phát, nội thất Xuân Hòa, Nội thất 190
- ✓ Tổ Điện lạnh: Cung ứng và lắp đặt thiết bị điện tử, điện lạnh các hãng Aqua, Funiki, Samsung, LG, Panasonic, Daikin, Casper, Kangaroo...

Địa điểm kinh doanh: Công ty có showroom bán hàng và các kho chứa hàng tại KCN Tây Bắc Ga, Đình Hương, Phường Đông Thọ, Thành phố Thanh Hóa



Nhà điều hành và Khu Kho CN Tây Bắc Ga



Showroom bán hàng

Dịch vụ cho thuê

- ✓ Các điểm cho thuê:

Siêu thị Trần Phú tại địa chỉ Số 301 Trần Phú, Phường Ba Đình, TP Thanh Hóa, Trung tâm thương mại 25 Lê Lợi tại địa chỉ 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, TP Thanh Hóa

- ✓ Các đơn vị thuê:

Tại Trung tâm thương mại 25 Lê Lợi: Chi nhánh Ngân hàng NN&PT nông thôn thành phố Thanh Hoá (*phòng giao dịch*), Công ty TNHH DV&VT Vân Anh (*nội thất Gia Khánh*), Công ty TNHH Hoàng Lý (*cửa hàng xe máy YAMAHA*), Công ty TNHH may thuê giày An Phước (*hàng thời trang*), Công ty TNHH Ngôi Sao (*cửa hàng xe máy YAMAHA*), Công ty CP Nguyệt Anh (*hàng bảo hộ lao động*), Công ty TNHH Toàn Cầu TTA (*phòng tập thể dục thẩm mỹ*), Cửa hàng thời trang Loza.

Tại Siêu thị Trần phú: Công ty CP Mediamart VN (*Siêu thị điện máy*)



Trung tâm thương mại 25 Đại lộ Lê Lợi



Trung tâm thương mại 301 Trần Phú

Đơn vị tính: 1.000 đồng

SẢN PHẨM/ DỊCH VỤ	NĂM 2020		NĂM 2021		NĂM 2022	
	GIÁ TRỊ	% DTT	GIÁ TRỊ	% DTT	GIÁ TRỊ	% DTT
Doanh thu bán hàng hóa	254.245.339	96,6%	268.545.316	96,4%	242.148.865	95,8%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.830.214	3,4%	10.008.997	3,6%	10.676.786	4,2%
Doanh thu thuần	263.075.553	100%	278.554.313	100%	252.825.651	100%

Hoạt động SXKD năm 2022 của Công ty diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều khó khăn do phải khắc phục hậu quả của tình hình dịch bệnh Covid kéo dài, tình hình chiến sự của Châu Âu, đặc biệt là chính sách tiền tệ cuối năm của Chính phủ đã ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp, sức mua trên thị trường giảm sút nhiều, cạnh tranh khốc liệt. Doanh thu toàn công ty giảm 9% so với năm 2021. Tuy nhiên Công ty đã có nhiều cố gắng để giữ được quy mô ổn định và đảm bảo an toàn tài chính.

Trong tổng doanh thu của Công ty, doanh thu bán hàng hóa luôn chiếm tỷ trọng cao (95,8% doanh thu thuần).

Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty

Đơn vị: 1.000 đồng

SẢN PHẨM/ DỊCH VỤ	NĂM 2020		NĂM 2021		NĂM 2022	
	GIÁ TRỊ	% LNG	GIÁ TRỊ	% LNG	GIÁ TRỊ	% LNG
Lợi nhuận bán hàng hóa	12.614.708	65,5%	12.196.577	60,0%	10.811.314	55,1%
Lợi nhuận cung cấp dịch vụ	6.657.990	34,5%	8.112.747	40,0%	8.811.751	44,9%
Lợi nhuận gộp	19.272.698	100%	20.309.324	100%	19.623.064	100%

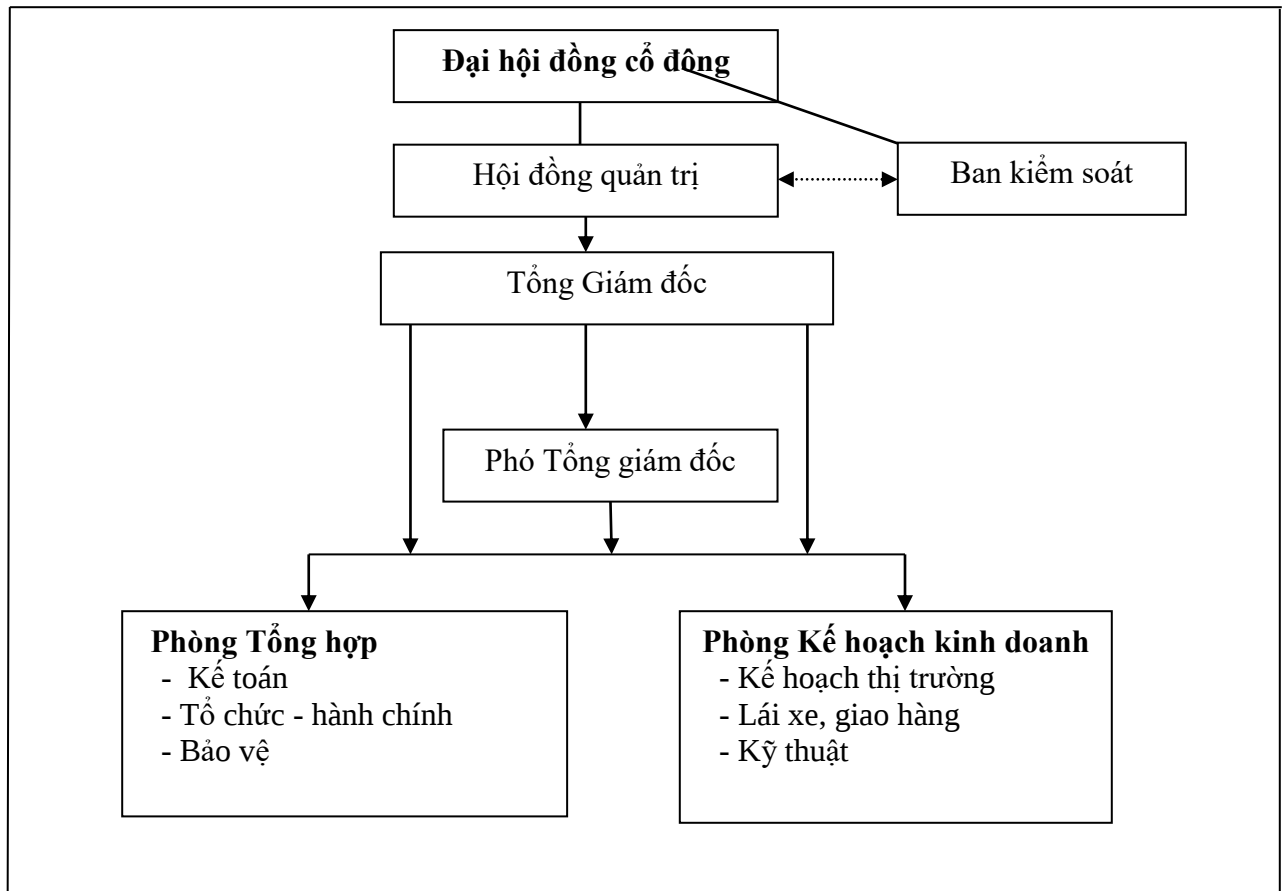
Mặc dù Doanh thu của hoạt động cung cấp dịch vụ chỉ chiếm 4,2% trong doanh thu thuần của toàn Công ty nhưng lợi nhuận gộp của hoạt động này lại luôn chiếm tỷ trọng khoảng lớn (44,9%). Điều này cho thấy mảng hoạt động này hiệu quả cao và ổn định.

Trong năm 2022, trong điều kiện kinh doanh vô cùng khó khăn do tình hình dịch bệnh Covid-19, Công ty đã chủ động linh hoạt ứng biến, cố gắng tổ chức hoạt động kinh doanh ổn định nên mặc dù doanh thu thuần giảm nhưng vẫn đảm bảo giữ được mức lợi nhuận gộp từ hoạt động này so với các năm trước.

2.2. Địa bàn kinh doanh: Tỉnh Thanh Hóa

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là tổ chức quyền lực cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty bao gồm 05 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh, đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Ban kiểm soát

Có nhiệm vụ giúp Đại hội đồng cổ đông giám sát, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách khách quan nhằm đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

Ban Tổng giám đốc

Tổng giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty.

Các phòng ban Công ty

- Phòng Kế hoạch - Kinh doanh: Có chức năng nắm bắt các thông tin kinh tế thị trường, xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư cho từng giai đoạn, lập phương án kinh doanh cụ thể và giám sát thực hiện, tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty về đầu tư, sản xuất kinh doanh.

- Phòng Tổng hợp: Chịu trách nhiệm tổ chức hạch toán kế toán theo đúng quy định nhà nước; tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty về công tác tài chính kế toán; Giúp Tổng Giám đốc công ty về công tác quản lý, sử dụng vốn (tài sản, nguyên vật liệu, tiền vốn, chi phí sản xuất kinh doanh) để đạt được mục đích đề ra của Đại hội cổ đông và hội đồng quản trị, phù hợp với chủ trương, chính sách pháp luật hiện hành, các quy định của nhà nước về kế toán thống kê. Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc Công ty trong việc tổ chức và quản lý nhân sự, quản lý tài sản, quản trị văn phòng, công tác bảo vệ, an ninh trật tự.

- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty :

Xây dựng và phát triển Công ty CP Thanh Hoa Sông Đà thành doanh nghiệp kinh doanh thương mại và dịch vụ có tính chuyên nghiệp cao, đủ sức cạnh tranh, có vị thế xứng đáng và vững chắc trên thị trường, đặc biệt là thị trường Thanh Hóa

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Phương hướng cơ bản kinh doanh giai đoạn (2019-2024) là tập trung cao độ vào các mặt hàng công ty có lợi thế cạnh tranh để mở rộng thị trường, phát triển mặt hàng ngành hàng mới, nâng cao hiệu quả kinh doanh, ưu tiên hàng đầu mục tiêu lợi nhuận, khẳng định vị thế của công ty về các mặt hàng kinh doanh chủ lực trên thương trường

- Một số chỉ tiêu chủ yếu 5 năm (2019 – 2024)

Tổng giá trị SXKD: 1.815 tỷ VNĐ, tăng bình quân hàng năm 8%.

Doanh thu : 1.650 tỷ VNĐ, tăng bình quân hàng năm là 8 %.

Lợi nhuận TT : 17,7 tỷ VNĐ, tốc độ tăng bình quân hàng năm là 5%.

Cổ tức bình quân 9,4%/năm, tăng bình quân hàng năm là 4%

Nộp ngân sách nhà nước: 16,7 tỷ VNĐ, tăng bình quân hàng năm là 5 %.

Thu nhập BQ người lao động: 8,7 triệu VNĐ, tăng bình quân hàng năm là 4 %. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định cho người lao động.

- Định hướng phát triển

Tập trung cao độ vào các mặt hàng công ty có lợi thế cạnh tranh, tích cực phát huy các ngành hàng mới có tiềm năng để mở rộng thị trường và nâng cao hiệu quả kinh doanh, ưu tiên hàng đầu mục tiêu lợi nhuận, nâng cao cổ tức cho cổ đông và thu nhập của người lao động trong công ty

Thực hiện đầu tư hợp lý, đem lại hiệu quả đầu tư cao nhất.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ, nâng cao tính hiệu quả, khoa học, minh bạch và tuân thủ pháp luật

Đổi mới công nghệ kinh doanh, triển khai kinh doanh thương mại điện tử

Mở rộng thị trường, giao lưu liên kết nắm bắt cơ hội do hội nhập kinh tế quốc tế của nền kinh tế mang lại

5. Các rủi ro:

Là một doanh nghiệp kinh doanh đa ngành nghề, hoạt động chủ đạo đồng thời cũng là thế mạnh của Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà là kinh doanh dịch vụ thương mại. Theo đó, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu tác động trực tiếp từ thay đổi của nền kinh tế như tăng giảm tốc độ tăng trưởng GDP, các biến động trong chính sách tài khóa, tiền tệ và các rủi ro khác

5.1. Rủi ro về kinh tế

Bức tranh kinh tế thế giới năm 2022 phân chia thành hai nửa rõ rệt: 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm 2022. Bước vào đầu năm 2022, kinh tế toàn cầu phục hồi và tăng trưởng mạnh mẽ sau một năm suy thoái vì đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, kể từ giữa năm 2022, khi xung đột Nga - Ukraine gia tăng, kết hợp chính sách “Zero Covid” của Trung Quốc làm chậm lại đà phục hồi kinh tế toàn cầu, gia tăng tình trạng gián đoạn nguồn cung và đẩy giá hàng hóa thế giới tăng mạnh. Việc giá hàng hóa thế giới tăng (bao gồm giá dầu, lương thực, thực phẩm) cùng với sự gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu làm gia tăng chi phí sản xuất, khiến lạm phát toàn cầu tăng lên nhanh chóng, nhiều quốc gia chứng kiến mức lạm phát kỷ lục trong nhiều năm. Điều này đã khiến các ngân hàng trung ương phải thực hiện thắt chặt chính sách tiền tệ nhanh và mạnh để kiểm soát lạm phát.

Trước tình hình kinh tế biến động khó lường, có thể ảnh hưởng bất ngờ đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ban lãnh đạo công ty luôn theo sát và cập nhật liên tục tình hình kinh tế vĩ mô nhằm kịp thời nhận diện được cả cơ hội lẫn thách thức để xây dựng chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp, giảm thiểu tác động của rủi ro kinh tế

5.2. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, đồng thời niêm yết cổ phiếu Công ty trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản dưới luật và các quy định đối với Công ty niêm yết.

Để hạn chế rủi ro pháp lý, Công ty CP Thanh Hoa Sông Đà luôn nắm rõ quy định của các văn bản pháp luật hiện hành, chủ động cập nhật các văn bản quy định mới

5.3. Rủi ro đặc thù

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

- Phải thu khách hàng: Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

- Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

- Rủi ro ngoại tệ: Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

- Rủi ro lãi suất: Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay. Từ tháng 9/2022, ngân hàng thương mại thắt chặt cho vay, hạn chế giải ngân, tăng lãi suất, đã tác động trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp. Tuy nhiên Công ty với tiềm lực tài chính vững vàng, vòng quay hàng tồn kho nhanh đã giúp cho Công ty đứng vững, không bị ảnh hưởng nhiều bởi tình hình tài chính nói chung của nền kinh tế.

- Rủi ro về giá khác: Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

5.4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết

Khi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, việc biến động giá cổ phiếu của Công ty sẽ không chỉ phụ thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như: tình hình thực hiện công bố thông tin, tình hình cung cầu của thị trường đối với cổ phiếu của Công ty,..... Để giảm thiểu một cách tối đa những rủi ro có thể xảy ra đối với biến động giá cổ phiếu, Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà luôn thực hiện tốt quy định Công bố thông tin nhằm ràng buộc trách nhiệm của những cá nhân liên quan đối với việc công bố thông tin của Công ty, đảm bảo thực hiện đầy đủ và kịp thời những quy định trong Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 06/10/2016 và Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ tài chính ngày 16/11/2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 và thay thế cho Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2016 hướng dẫn Công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-SGDCK ngày

29/9/2016. Điều này sẽ giúp các nhà đầu tư tiếp cận được với những thông tin liên quan của Công ty một cách chính xác và hiệu quả. Từ đó, các nhà đầu tư có thể đưa ra được quyết định đầu tư đúng đắn hơn.

5.5. *Rủi ro khác*

Các rủi ro như thiên tai, hoả hoạn, dịch hoạ, chiến tranh ... là những rủi ro do nguyên nhân bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và hoạt động chung của Công ty.

II. *Tình hình hoạt động trong năm*

1. *Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh*

Hoạt động kinh doanh năm 2022 diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều khó khăn do phải khắc phục hậu quả của tình hình dịch bệnh Covid kéo dài, tình hình chiến sự của Châu Âu, đặc biệt là chính sách tiền tệ cuối năm của Chính phủ đã ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp.

Trong điều kiện đó, Công ty đặt ra nhiệm vụ chủ yếu là đảm bảo duy trì hoạt động SXKD ổn định. Toàn Công ty đã tập trung, chủ động và linh hoạt trong mọi hoạt động, cơ cấu lại tổ chức, duy trì và tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh. Doanh thu toàn Công ty đạt 252 tỷ đồng, chỉ bằng 89% kế hoạch đề ra và bằng 91% so với năm 2021, tuy nhiên tình hình tài chính ổn định, lợi nhuận và thu nhập người lao động cơ bản được đảm bảo.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2022

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022 (triệu đ)	Thực hiện 2022 (triệu đ)	TL hoàn thành KH năm (%)	So với năm 2021 (%)
1	Tổng giá trị SXKD	313.060	278.088	89	91
2	Doanh thu	284.600	252.808	89	91
3	Lợi nhuận trước thuế	5.000	4.375	88	93
4	Nộp ngân sách	4.000	3.648	91	89
5	Thu nhập Bình quân	8,1	9,0	110	90
6	Cổ tức dự kiến (%/năm)	10	8	80	80

2. *Tổ chức và nhân Sự*

- Danh sách Ban điều hành:

Họ tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu (CP)	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)
Vũ Thị Lý	Tổng Giám đốc	1.630	0,0543%
Phạm Văn Lợi	Phó Tổng Giám đốc	500	0,0166%
Hoàng Thị An	Kế toán trưởng	500	0,0166%

Tóm tắt sơ yếu lý lịch

- **Bà Vũ Thị Lý - Tổng Giám đốc**

Giới tính : Nữ

Số CMTND : 171409130 Ngày cấp: 13/10/1999 Nơi cấp: CA Thanh Hóa
 Ngày tháng năm sinh: 30/09/1983
 Nơi sinh : Xã Vạn Thắng - Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Xã Vạn Thắng - Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa
 Địa chỉ thường trú: Lô số 52, MBQH 2155, P.Đông Vệ, TP Thanh Hóa
 Số điện thoại liên lạc: 0984.034.443
 Trình độ văn hoá: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
 Quá trình công tác:

03/2006 - 03/2008	Kế toán Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà
03/2008 - 05/2009	Phó phòng kế toán Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà
06/2009 – 07/2011	Trưởng phòng kế toán Cty CP Thanh Hoa - Sông Đà
08/2011- 04/2022	Kế toán trưởng Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà
05/2022 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Tổng Giám đốc Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần nắm giữ: 1.600 cổ phần

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ:

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
1	Lê Khắc Hưng	Chồng	72

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

• **Ông Phạm Văn Lợi – Phó Tổng Giám đốc**

Giới tính : Nam
 Số CMTND : 038084000625 Ngày cấp: 11/8/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát
 Ngày tháng năm sinh: 01/5/1984
 Nơi sinh : Xã Hà Đông - Huyện Hà Trung - Tỉnh Thanh Hóa
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán: Xã Hà Đông - Huyện Hà Trung - Tỉnh Thanh Hóa
 Địa chỉ thường trú: 04C/724 Nguyễn Trãi, Phường Phú Sơn, Thành phố Thanh Hóa
 Số điện thoại liên lạc:
 Trình độ văn hoá: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
 Quá trình công tác:

09/2006 - 04/2008	Nhân viên tư vấn xuất khẩu Lao động – Công ty CP Thanh Hoa Sông Đà
4/2008 – 9/2009	Nhân viên kinh doanh - Siêu thị Sông Đà trực thuộc Công ty CP Thanh Hoa Sông Đà
9/2009 – 3/2010	Nhân viên kinh doanh Công ty CP Thanh Hoa Sông Đà

03/2010 - 12/2010	Phó phòng Kinh doanh Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà
01/2011 - 07/2012	Quyền Trưởng phòng kinh doanh Cty CP Thanh Hoa - Sông Đà
08/2012- 8/2014	Phó Giám đốc Xí nghiệp TM&DV Số 6 thuộc Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà
09/2012- 8/2015	Quyền Giám đốc Xí nghiệp TM&DV Số 6 thuộc Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà
9/2015 – 8/2021	Giám đốc Xí nghiệp TM&DV Số 6 thuộc Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà
9/2021 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó TGD Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 500

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ:

TT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần
1	Hoàng Thị Hiền	Vợ	50

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

• **Bà Hoàng Thị An – kế toán trưởng**

Giới tính : Nữ

Số CMTND : 038188012990 Ngày cấp: 26/06/2019 Nơi cấp: Cục cảnh sát

Ngày tháng năm sinh: 01/01/1988

Nơi sinh : Phường Quảng Hưng, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: Phố 2, phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0976192387

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học kế toán

Quá trình công tác:

* 04/2010-02/2011	Nhân viên kế toán - Công ty xây dựng công trình và Thương mại Thanh Hóa
04/2011-07/2011	Nhân viên kế toán - Công ty cổ phần xây lắp VNLAND
10/2011-12/2011	Nhân viên kế toán - Công ty cổ phần xây dựng công trình và thương mại Thanh Hóa
01/2012-03/2015	Nhân viên kế toán - Công ty TNHH đầu tư và thương mại 7-5
04/2015-12/2019	Nhân viên kế toán - Công ty cổ phần xây dựng công trình và thương mại Thanh Hóa

01/2020-08/2021	Nhân viên kế toán - Công ty TNHH Cơ nhiệt điện Thành Nam
09/2021-04/2022	Kế toán trưởng - Công ty cổ phần xây dựng công trình và thương mại Thanh Hóa
05/2022 đến nay	Kế toán trưởng - Công ty cổ phần Thanh Hoa Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 500

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ:

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
1	Phạm Tiến Hà	Chồng	70

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

- Những thay đổi trong ban điều hành:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Miễn nhiệm	Bổ nhiệm
1	Nguyễn Thanh Hải	Tổng Giám đốc	19/4/2022	
2	Vũ Thị Lý	Tổng Giám đốc		19/4/2022
3	Vũ Thị Lý	Kế toán trưởng	19/4/2022	
4	Hoàng Thị An	Kế toán trưởng		19/4/2022

- Số lượng cán bộ, nhân viên.

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Tính đến ngày 31/12/2022, toàn Công ty có 40 lao động.

Cơ cấu lao động tại ngày 31/12/2022 như sau:

TIÊU CHÍ	SỐ LƯỢNG (người)	TỶ LỆ (%)
Loại hợp đồng lao động (HĐLĐ)	40	100%
- HĐLĐ không xác định thời hạn	25	62,5%
- HĐLĐ ngắn hạn (1-3 năm)	15	37,5%
Trình độ đào tạo	40	100%
- Đại học và trên đại học	25	62,5%
- Trung cấp + Cao đẳng	10	25%
- Sơ cấp	5	12,5%
- Công nhân	0	0%

Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp cho người lao động

Công tác đào tạo: Công ty coi trọng công tác đào tạo lại, đào tạo chuyên sâu, đào tạo đón đầu để nâng cao năng suất, chất lượng lao động, Trước mắt, Công ty sẽ tập trung đào tạo về chuyên môn và tăng cường bổ sung kiến thức quản trị đối với đội ngũ cán bộ trẻ tại phòng ban và các đơn vị trực thuộc đáp ứng theo yêu cầu trong nhiệm vụ mới.

Công tác tuyển dụng: Trong năm Công ty đặt ra chỉ tiêu xem xét lại số lao động dôi dư, đồng thời tuyển dụng thêm một số lao động thực sự có năng lực chuyên môn, đặc biệt là cán bộ kinh doanh và quản lý.

Về công tác xây dựng và áp dụng hệ thống định mức lao động: Thực hiện Quy chế trả lương theo năng suất đã ban hành, áp dụng đồng bộ phương thức bán hàng theo đơn đặt hàng và trả lương theo đơn giá tiền lương, đảm bảo tính tiên tiến, góp phần nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí.

Về thực hiện chế độ, chính sách:

- Hệ thống quy chế lương, thưởng của Công ty phù hợp theo hướng gắn liền tiền lương, thu nhập của người lao động với chất lượng lao động và hiệu quả công tác, coi trọng lao động có trình độ chuyên môn và tính kỷ luật cao.

- Tiếp tục sắp xếp lại lao động phù hợp với trình độ chuyên môn, xây dựng chế độ khuyến khích đối với người lao động có trình độ chuyên môn cao, hoàn thiện cơ chế trả lương hợp lý, thật sự khuyến khích người lao động làm việc có hiệu quả, tăng cường công tác đào tạo lại đồng thời xử lý nghiêm theo quy định của Pháp luật và các Quy định của Công ty đối với những lao động yếu kém, vô kỷ luật.

- Duy trì chế độ phúc lợi, đảm bảo đời sống tinh thần và vật chất cho người lao động thông qua các hoạt động văn hoá xã hội, chính sách chăm sóc người lao động ốm đau, tai nạn,... chính sách với những người lao động đã nghỉ hưu, mất sức lao động, với con em người lao động đã và đang làm việc với Công ty, tổ chức thăm quan nghỉ mát hàng năm. Tổ chức Công đoàn đại diện cho người lao động ký thoả ước lao động tập thể với Công ty để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho người lao động.

- Mục tiêu của Công ty sẽ cố gắng tạo dựng được môi trường làm việc tốt nhất để người lao động có đầy đủ điều kiện phấn đấu phát triển cùng sự phát triển của Công ty, duy trì văn hoá doanh nghiệp lành mạnh.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm Công ty đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con mới (thay thế xe cũ bán thanh lý) và bán thanh lý 01 xe ô tô tải cũ không sử dụng. Cải tạo lại khuôn viên Kho Tây Bắc ga. Triển khai làm gác lửng nhà kho Tây Bắc Ga (đã hoàn thành trong tháng 2/2023)

Tổng giá trị đầu tư phát sinh trong năm 2022 là: 3.042 triệu đồng.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	(Tăng +, giảm -)
1	Tổng giá trị tài sản	1.000đ	74.000.938	70.963.388	-3.037.550
2	Doanh thu thuần	1.000đ	278.415.508	252.808.015	-25.607.493
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.000đ	4.159.610	3.819.289	-340.321
4	Lợi nhuận khác	1.000đ	562.899	556.075	6.824
5	Lợi nhuận trước thuế	1.000đ	4.722.509	4.375.364	-347.145

6	Lợi nhuận sau thuế	1.000đ	3.777.096	3.419.656	-357.440
7	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	10	8	-2

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
1	<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	lần	1,45	1,53
	- Hệ số thanh toán nhanh (TSNH-Hàng TK)/Nợ NH	lần	0,49	0,51
2	<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
	- Hệ số nợ / Tổng tài sản	lần	0,46	0,43
	- Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	lần	0,49	0,77
3	<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
	- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bq)	Vòng	7,31	7,24
	- Doanh thu thuần / Tổng TS	lần	3,6	3,8
4	<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	lần	0,013	0,013
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn Chủ sở hữu	lần	0,095	0,085
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	lần	0,051	0,048
	- Hệ số lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu thuần	lần	0,017	0,017

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần	:	3.000.000 CP
Bao gồm:	- Cổ phiếu quỹ	: 300.000 CP
	- Cổ phiếu hiện đang lưu hành	: 2.700.000 CP
Trong đó:	+ Cổ phần chuyển nhượng tự do	: 27.000.000 CP
	+ Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	: 0 CP

b) Cơ cấu cổ đông:

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (nghìn đ)	Tỷ lệ (%)	SL CP	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn thực góp:	2.998.000	29.980.000	99,93%	2.000	20.000	0,067%
1.Cổ đông Nhà nước	0	0	0%			
2. Cổ đông nội bộ: (Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, Người được ủy quyền CBTT và người có liên quan)	2.135.681	21.356.810	71,0%			
3. Cổ đông trong công ty:						

- Cổ phiếu quỹ	30.000	300.000	10%			
- Cán bộ công nhân viên	1.944	19.440	0,065%			
4. Cổ đông ngoài công ty:						
- Cá nhân	560.375	5.603.750	18,68%			
- Tổ chức	2.000	20.000	0,067%			

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: **Không có**

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: **Không có**

e) Các chứng khoán khác: **Không có**

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động kinh doanh năm 2022 diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều khó khăn do phải khắc phục hậu quả của tình hình dịch bệnh Covid kéo dài, tình hình chiến sự của Châu Âu, đặc biệt là chính sách tiền tệ cuối năm của Chính phủ đã ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp. Công ty lại có sự thay đổi cơ bản về cơ cấu tổ chức và ban lãnh đạo công ty.

Trong điều kiện đó, Công ty đặt ra nhiệm vụ chủ yếu là đảm bảo duy trì hoạt động SXKD ổn định. Ngay sau thời điểm bàn giao của Ban lãnh đạo, toàn Công ty đã tập trung, chủ động và linh hoạt trong mọi hoạt động. Đến nay, Công ty đã hoàn thành công tác cơ cấu lại tổ chức, duy trì và tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh và đạt được kết quả tốt. Doanh thu toàn Công ty đạt 252 tỷ đồng, đạt 89% kế hoạch và bằng 91% so với năm 2021, tuy nhiên Công ty giữ được tình hình tài chính ổn định, lợi nhuận và thu nhập người lao động cơ bản được đảm bảo.

Kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện (triệu đ)	TL hoàn thành KH năm	So cùng kỳ năm trước
1	Doanh thu	252.808	89	91
2	Lợi nhuận trước thuế	4.375	88	93
3	Nộp ngân sách	3.648	91	89
4	Thu nhập Bình quân	9.0	110	90
5	Cổ tức dự kiến (%/năm)	8	80	80

- Nhóm hàng gia dụng doanh số đạt mức tăng trưởng tốt so với năm 2021, hiệu quả kinh doanh tuy chưa cao nhưng Công ty đã làm tốt việc mở rộng quy mô nhóm hàng này. Tất cả các mặt hàng nhôm, nhựa, sứ đều có sự tăng trưởng đồng đều, đặc biệt là mặt hàng Qui Phúc đã tăng bình quân gấp đôi năm 2021.

- Nhóm hàng điện lạnh doanh thu bằng 106% so với cùng kỳ năm trước. Từ cuối T9, Công ty đã ký hợp đồng nhà phân phối tại Thanh Hóa với Công ty điện máy Aqua Việt Nam. Đây là cơ hội thuận lợi để Công ty tăng trưởng thêm quy mô và hiệu quả mặt hàng này.

- Nhóm hàng nội thất doanh thu thấp, giảm nhiều so với cùng kỳ. Công ty đã liên tục điều chỉnh về nhân sự, phương tiện vận tải, kho tàng cho phù hợp với thực tế và đảm bảo cân đối tài chính của bộ phận. Kết thúc năm, kết quả kinh doanh của nhóm hàng đạt hiệu quả.

- Đã cho thuê hết phần diện tích còn lại tại tầng 3 tại TTTM 25 Lê Lợi, và khai thác sử dụng tòa nhà 2 tầng khu Tây Bắc Ga.

1.2. Công tác quản lý, kế toán

- Công ty đã bổ sung thêm hạn mức vay ngân hàng. Tại các thời điểm ngân hàng thắt chặt nguồn vốn vay, Công ty vẫn đảm bảo đủ vốn, giúp hoạt động kinh doanh của Công ty không bị gián đoạn.

- Tập trung công tác quản lý công nợ, hàng tồn kho. Đôn đốc thu hồi công nợ, đặc biệt là các khoản tiền thuê nhà. Kiểm kê thực tế hàng hóa, rà soát hàng tồn đọng kém phẩm chất có phương án xử lý. Sắp xếp kho tàng hàng hóa cơ bản hợp lý, gọn gàng, khoa học hơn. Một số mặt hàng tồn đọng lâu, chậm bán đang xử lý dần.

- Liên tục rà soát các hạng mục chi phí cơ bản của công ty, từ đó điều chỉnh phù hợp hơn với tình hình kinh doanh nhằm tiết giảm chi phí. Điều chuyển và kết hợp xe ô tô vận chuyển, phân công lại công việc để tiết giảm chi phí bốc xếp hàng hóa tại 1 số bộ phận, định mức lại một số khoản chi phí chung toàn công ty: công tác phí, xăng dầu xe ô tô, phụ cấp điện thoại, xăng xe, các khoản thù lao, phụ cấp...

- Điều chỉnh quy định trả lương tại tất cả các bộ phận

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2021	31/12/2022	Biến động
Tổng tài sản	1.000đ	74.000.938	70.963.388	-3.037.550
- Tài sản ngắn hạn	1.000đ	49.803.192	47.109.432	-2.693.760
- Tài sản dài hạn	1.000đ	24.197.746	23.853.956	-343.790

- Tài sản ngắn hạn giảm 2.693 triệu đồng chủ yếu do giảm các khoản phải thu ngắn hạn khác. Do trong năm Công ty đã thanh lý hợp đồng với Công ty CP Bóng đèn phích nước Rạng Đông và đã thu hồi về khoản kỹ quỹ.

- Tài sản dài hạn giảm 343,7 triệu đồng chủ yếu là do việc tăng giá trị tài sản cố định (đầu tư mua sắm phương tiện vận tải), và giá trị khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư phát sinh trong năm.

- Để đảm bảo an toàn vốn, Công ty đã tổ chức đánh giá tuổi nợ của tất cả các khoản công nợ phải thu, một số khoản hàng tồn kho chậm bán do lỗi mốt, thẩm định lại mức trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Tại thời điểm 31/12/2022 mức trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi là: 839 triệu đồng, mức trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là: 752 triệu đồng.

b) Tình hình nợ phải trả:

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2021	31/12/2022	Biến động
Nợ phải trả	1.000đ	34.362.683	30.782.573	-3.580.110
- Nợ ngắn hạn	1.000đ	34.362.683	30.782.573	-3.580.110
- Nợ dài hạn	1.000đ	0	0	0

- Nợ ngắn hạn giảm 3.580 triệu đồng chủ yếu do giảm dư nợ đối với các nhà cung cấp do thời điểm cuối năm các nhà cung cấp yêu cầu thanh toán công nợ theo đúng hợp đồng.
- Hiện Công ty không có nợ phải trả xấu

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

3.1. Công tác quản lý, kế toán

- Công ty đã bổ sung thêm hạn mức vay ngân hàng. Tại các thời điểm ngân hàng thắt chặt nguồn vốn vay, Công ty vẫn đảm bảo đủ vốn, giúp hoạt động kinh doanh của Công ty không bị gián đoạn.
- Tập trung công tác quản lý công nợ, hàng tồn kho. Đơn đốc thu hồi công nợ, đặc biệt là các khoản tiền thuê nhà. Kiểm kê thực tế hàng hóa, rà soát hàng tồn đọng kém phẩm chất có phương án xử lý. Sắp xếp kho tàng hàng hóa cơ bản hợp lý, gọn gàng, khoa học hơn. Một số mặt hàng tồn đọng lâu, chậm bán đang xử lý dần.
- Liên tục rà soát các hạng mục chi phí cơ bản của công ty, từ đó điều chỉnh phù hợp hơn với tình hình kinh doanh nhằm tiết giảm chi phí. Điều chuyển và kết hợp xe ô tô vận chuyển, phân công lại công việc để tiết giảm chi phí bốc xếp hàng hóa tại 1 số bộ phận, định mức lại một số khoản chi phí chung toàn công ty: công tác phí, xăng dầu xe ô tô, phụ cấp điện thoại, xăng xe, các khoản thù lao, phụ cấp...
- Điều chỉnh quy định trả lương tại tất cả các bộ phận

3.2. Công tác tổ chức, đầu tư

- Sau khi hoàn thành công tác bàn giao công ty, từ ngày 01/5 Công ty đã tổ chức lại theo hướng tập trung, không phân chia Xí nghiệp; bổ nhiệm ban điều hành mới của Công ty; bố trí sắp xếp lại lao động tại các bộ phận đáp ứng yêu cầu SXKD.
- Cải tạo và sử dụng có hiệu quả khu kho Tây Bắc Ga: Tòa nhà 2 tầng được sửa chữa lại và được sử dụng hết công năng với khu văn phòng tại tầng 2, showroom trưng bày tại tầng 1. Nhà kho chứa hàng được cải tạo thêm 1 tầng làm tăng diện tích sử dụng thêm 30% đáp ứng nhu cầu sử dụng của Công ty, không phải đi thuê thêm kho. Khuôn viên cả khu kho Tây Bắc Ga cũng được cải tạo lại thoáng rộng đẹp và phù hợp với hoạt động kinh doanh hơn.
- Đã triển khai bếp ăn tập thể của Công ty đảm bảo đời sống vật chất cho người lao động.
- Thu nhập người lao động hầu hết các bộ phận tăng, các chế độ lương và thưởng tết đã chi trả đầy đủ.

3.3. Đánh giá chung

Trong điều kiện kinh doanh vô cùng khó khăn, Công ty thay đổi về cơ cấu tổ chức, toàn công ty dưới sự chỉ đạo của các thành viên chủ chốt đã có nhiều nỗ lực để ổn định và phát triển hoạt động kinh doanh. Doanh thu, Lợi nhuận không bị giảm sút nhiều. Đảm bảo việc làm và thu nhập cơ bản ổn định cho người lao động. Kết quả đó thể hiện sự nỗ lực cố gắng đáng khích lệ của toàn thể CBCNV Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Nhận định tình hình

Khó khăn:

Nền kinh tế trong năm 2023 sẽ tiếp tục còn nhiều khó khăn, chưa thể hồi phục ngay, sức mua giảm sút trầm trọng, thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt, ảnh hưởng tới tình hình tiêu thụ của tất cả các mặt hàng kinh doanh.

Thuận lợi :

- + Mặc dù tình hình thị trường nhiều khó khăn nhưng Công ty vẫn giữ được ổn định về mặt hàng, thị phần thị trường, tiềm lực tài chính, hệ thống kho tàng, phương tiện vận tải.
- + Bộ máy mới của Công ty được tổ chức lại tinh gọn hơn, trực tiếp hơn, các quyết định phục vụ cho mọi hoạt động của Công ty kịp thời hơn.

4.2. Phương hướng cơ bản năm 2023

Tiếp tục tập trung các nguồn lực để phát triển các mặt hàng đang có thế mạnh cạnh tranh, tăng trưởng khá; khai thác thêm các mặt hàng mới tương xứng với các nguồn lực sẵn có; phát triển đồng thời bán buôn, bán lẻ, bán dự án; đầu tư cải tạo nâng cấp cơ sở hạ tầng; cơ cấu lại công tác tổ chức; không ngừng nâng cao trình độ quản trị doanh nghiệp góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.

4.3. Một số chỉ tiêu kinh tế

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Tốc độ tăng trưởng (%)
1	Tổng giá trị SXKD	Tr.đ	300.000	108
2	Doanh thu	Tr.đ	272.727	108
3	Lợi nhuận TT	Tr.đ	4.500	103
4	Cổ tức đề nghị	%/năm	8	100
5	Nộp ngân sách	Tr.đ	3.700	101
6	Thu nhập b/q	Tr.đ/ng/th	9,5	106

4.4. Các nhiệm vụ chủ yếu và giải pháp.

4.4.1. Công tác kinh doanh

- Toàn Công ty phải tập trung tối đa mọi nguồn lực cho hoạt động kinh doanh.
- Nhóm hàng gia dụng phát huy tốc độ tăng trưởng đã đạt được, đặc biệt quan tâm các mặt hàng đang tăng trưởng tốt là Qui Phúc, Đại Đồng Tiến.
- Nhóm hàng nội thất tranh thủ chính sách tăng cường đầu tư công của Chính phủ trong năm 2023 để khai thác các dự án, bổ sung nhân sự để tăng trưởng doanh số bán buôn. Quan tâm để đảm bảo doanh số 2 mặt hàng chính là nội thất Xuân Hòa, Hòa Phát.
- Nhóm hàng điện lạnh tập trung triển khai 2 mặt hàng chính là Funiki và Aqua. Đây là nhiệm vụ chính để giúp nhóm hàng điện lạnh có thể đạt mức tăng trưởng cao. Đồng thời quan tâm triển khai đa dạng các mặt hàng khác trong cùng nhóm, nhất là các mặt hàng đã ký hợp đồng phân phối như Daikin, sharp... để tận dụng chi phí biên, tăng trưởng doanh thu và hiệu quả.
- Thúc đẩy hoạt động bán online, bán lẻ tại showroom, các gói trưng bày tại showroom.
- Phòng thị trường cần phát huy hơn vai trò trong việc kiểm tra công tác thị trường của toàn Công ty, hỗ trợ bán hàng và phát triển thêm khách hàng mới, tuyển mới.

4.4.2. Công tác quản lý, kế toán và tổ chức

- Duy trì nền nếp công tác quản lý công nợ, quản lý hàng tồn kho. Quan tâm thu hồi công nợ, đặc biệt là các khoản nợ lâu. Thường xuyên rà soát xử lý hàng hóa chậm bán.

- Rút kinh nghiệm trong công tác đặt hàng, vừa tranh thủ các chương trình của NCC, vừa đảm bảo hàng luân chuyển và tồn kho phù hợp.
- Tăng cường công tác quản lý thông qua công tác kiểm tra thị trường, đối chiếu công nợ với khách hàng.
- Điều chuyển, bổ sung thêm nhân sự đảm bảo đáp ứng nhu cầu thực tế kinh doanh.
- Sử dụng hợp lý các nguồn lực (phương tiện vận tải, kho tàng, nhân lực...) để tiết giảm tối đa chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh. Sắp xếp kho tàng gọn gàng khoa học hơn để tận dụng tối đa các kho chứa hàng. Sắp xếp nhân sự theo đúng nhu cầu công việc và năng lực công tác để tinh gọn bộ máy. Phân tuyến bán hàng phù hợp để tổ chức đội xe hợp lý hơn.
- Tiếp tục điều chỉnh hoàn thiện Quy định trả lương thưởng toàn Công ty.
- Quan tâm đời sống CBCNV công ty

4.4.3 Công tác đầu tư

- Hoàn thành hạng mục gác nhà kho Tây Bắc Ga nhanh chóng đưa vào sử dụng phục vụ kịp thời nhu cầu trữ hàng tăng cao vào dịp hè năm 2023.
- Đầu tư mua thêm 01 xe con 07 chỗ phục vụ công tác cho Ban giám đốc và Phòng kinh doanh.
- Đầu tư mua thêm kho phục vụ nhu cầu mở rộng kinh doanh của Công ty
- Sửa chữa lớn Trung tâm thương mại 25 Lê Lợi và Siêu thị 301 Trần Phú đảm bảo an toàn cho tài sản.
- Nghiên cứu phương án cải tạo nâng tầng để khai thác thêm hiệu quả cho 02 tòa nhà Trung tâm thương mại 25 Lê Lợi và Siêu thị 301 Trần Phú.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- Công tác từ thiện, xã hội: Tổ chức thăm hỏi, tặng quà Tết thiếu nhi, Tết trung thu cho các cháu thiếu niên nhi đồng là con của cán bộ công nhân viên công ty; tặng quà cho toàn thể cán bộ công nhân viên công ty nhân các các ngày lễ như Tết Nguyên Đán, Tết Dương lịch, 8/3, 20/10, 2/9, 30/4, 1/5; hỗ trợ tiền du lịch cho CBCNV Công ty. Tổng số tiền đã chi là 341 trđ. Công ty bảo trợ 1 gia đình có hoàn cảnh đặc biệt bằng số tiền hỗ trợ là 14 triệu đồng / năm.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Năm 2022 trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều biến động khó lường do tình hình chiến sự của Châu Âu, chính sách tiền tệ cuối năm của Chính phủ đã ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp, sức mua trên thị trường giảm sút nhiều, cạnh tranh khốc liệt đã tác động đặc biệt to lớn đến kinh tế xã hội nói chung và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói riêng.

Trong bối cảnh đó HĐQT Công ty đã có những quyết sách đúng đắn kịp thời lãnh đạo và quản lý công ty vượt qua thử thách giữ được sự ổn định, đảm bảo công ăn việc làm thu nhập của người lao động, nộp ngân sách nhà nước, cơ cấu lại Công ty, nâng cấp công tác quản trị toàn công ty. Đây là những thành tựu hết sức có ý nghĩa khẳng định bản lĩnh, vai trò của HĐQT cũng như sự trưởng thành của hệ thống quản lý công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ban TGD Công ty đã bám sát vào nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT Công ty, đồng thời có sự linh hoạt trong điều hành. Mỗi tháng, mỗi quý đều có chương trình kế hoạch, công tác trọng tâm để tập trung chỉ đạo.

Đánh giá chung: Ban TGD đã hoàn thành cơ bản nhiệm vụ điều hành công ty được giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

3.1. Tập trung phát triển thị trường các mặt hàng kinh doanh của công ty

- Đối với các mặt hàng truyền thống đang phát huy tốt cần nỗ lực tăng cường qui mô và hiệu quả để khẳng định vị thế của thương hiệu hàng hoá và công ty trên thương trường.
- Nghiên cứu phát triển mặt hàng mới tập trung cho nhóm điện lạnh, gia dụng, những nhãn hiệu có thương hiệu và tiềm năng. Việc phát triển mặt hàng mới đảm bảo sự thận trọng, an toàn vốn.
- Khai thác cho thuê, sử dụng hết các mặt bằng còn trống của Công ty đảm bảo tối đa hóa lợi nhuận.
- Đầu tư phát triển thương mại điện tử: Xác định đây là việc làm lâu dài, không nóng vội. Cần thiết xây dựng phương án tổng thể toàn diện cho 5 năm tới, trong đó vừa phát huy nâng cao qui mô doanh số theo kế hoạch đã có, vừa chú trọng công tác đào tạo cho công cuộc lâu dài. Chú trọng trao đổi học tập với các đơn vị bạn đang làm tốt hình thức thương mại này.

3.3. Tăng cường công tác quản trị công ty đáp ứng yêu cầu minh bạch, kịp thời, hiệu quả.

Phát huy vai trò công cụ trung tâm: phần mềm Misa, luôn duy trì tồn kho, dư nợ phải thu, tiến độ nhập hàng hợp lý. Giữ nghiêm kỷ luật thanh quyết toán...

3.4. Công tác tổ chức trong năm:

- Nhiệm vụ có tầm quan trọng quyết định của mỗi ngành hàng là công tác thị trường. Phải xây dựng được thị trường thân thiện, hợp tác, ổn định và phát triển. Danh mục mặt hàng kinh doanh đủ để kinh doanh, khai thác hiệu quả. Tổ Nội thất hiện nay đang rất cần củng cố phát huy mặt hàng Nội thất và phải tìm kiếm mặt hàng mới.
- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh lương thưởng hàng tháng cho phù hợp với tình hình, với trình độ kinh doanh, quản lý của mình.
- Trong năm cần quan tâm công tác đào tạo đặc biệt là đào tạo về thương mại điện tử, đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài.

3.5. Công tác đầu tư

- Đầu tư mua thêm 01 xe con 07 chỗ phục vụ công tác cho Ban giám đốc và Phòng kinh doanh.
- Hoàn thành hạng mục gác nhà kho Tây Bắc Ga nhanh chóng đưa vào sử dụng phục vụ kịp thời nhu cầu trữ hàng tăng cao vào dịp hè năm 2023.
- Đầu tư mua thêm kho phục vụ nhu cầu mở rộng kinh doanh của Công ty
- Sửa chữa lớn TTTM 25 Lê Lợi và Siêu thị 301 Trần Phú đảm bảo an toàn cho tài sản.
- Nghiên cứu phương án cải tạo nâng tầng để khai thác thêm hiệu quả cho 02 tòa nhà Trung tâm thương mại 25 Lê Lợi và Siêu thị 301 Trần Phú.

3.6. Hoạt động của Hội đồng quản trị.

Phát huy những ưu điểm, thành tích đã được trong năm 2022, trong công tác lãnh đạo, quản lý công ty, HĐQT Công ty đưa ra kế hoạch hoạt động trong năm 2023 như sau:

- Xác lập các phương hướng mục tiêu khoa học hợp lý trên cơ sở phân tích đánh giá tình hình, đề

ra các nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu đúng đắn giúp công ty duy trì phát triển và bền vững.

- Làm tốt công tác giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty để đảm bảo các hoạt động kinh doanh của Công ty luôn tuân thủ pháp luật, điều lệ, quy chế công ty.

- Từng thành viên HĐQT làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, phấn đấu Công ty hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu đề ra, vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh và bền vững.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị :

Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP (%)		TT về giao dịch Cổ phiếu
		Năm 2021	Năm 2022	
Lê Anh Tuấn	CT HĐQT độc lập	657.950	2.132.309	Mua CP
Vũ Thị Lý	Thành viên HĐQT	70.000	1.630	Bán 70.000CP, Mua 1.630 CP
Vũ Mạnh Đoàn	TV HĐQT độc lập	0	0	

* Ông Lê Anh Tuấn

Giới tính : Nam

Số CMTND : 171211504 Ngày cấp: 21/5/2008 Nơi cấp: Công an Thanh Hóa

Ngày tháng năm sinh: 29/8/1965

Nơi sinh : Xã Hoằng Quý, Huyện Hoằng Hóa, Thanh Hóa

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xã Hoằng Quý, Huyện Hoằng Hóa, Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú : 43 Lạc Long Quân, Phường Đông Vệ, TP Thanh Hóa

Số điện thoại liên lạc : 0913 356 759

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư máy lạnh và thiết bị nhiệt

Quá trình công tác:

1989 - 2008	CBCNV Công ty Bia Thanh Hóa
2008 - 2010	CBCNV Công ty Bia Hà Nội - Nghệ An
2010 - 20/6/2022	CBCNV Công ty TNHH Cơ nhiệt điện Thành Nam
Từ 20/6/2022	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thanh Hoa Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 2.132.309 Cổ phần

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

*** Ông Vũ Mạnh Đoàn**

Giới tính : Nam

Số CMTND : 038096009929 Ngày cấp: 12/04/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát

Ngày tháng năm sinh: 03/12/1996

Nơi sinh : Phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xã Tuy Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: Số 59 Lương Đắc Bằng, P.Đông Sơn, TP Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 094.944.8096

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học kế toán

Quá trình công tác:

01/2019 - 09/2021	Nhân viên kế toán – Công ty TNHH Xây dựng Đầu tư và Phát triển Hùng Phát
10/2021 đến nay	Nhân viên kế toán – Công ty cổ phần xây dựng công trình và thương mại Thanh Hóa

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: Không

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

• Bà Vũ Thị Lý – Thành viên HĐQT (như mục II.2)

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Ban kiểm toán nội bộ

- Chức năng và nhiệm vụ của Tiểu ban.

Ban kiểm toán nội bộ là bộ phận tham mưu giúp việc cho HĐQT Công ty, có chức năng và nhiệm vụ như sau:

+ Tổ chức kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê, lập báo cáo tài chính và việc chấp hành Điều lệ, Nghị quyết, Quy định của HĐQT. Việc kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất được thực hiện theo kế hoạch và các văn bản chỉ đạo của HĐQT.

+ Thẩm tra báo cáo quyết toán hàng quý các đơn vị trực thuộc và toàn công ty; Thẩm tra báo cáo tài chính 6 tháng và báo cáo tài chính năm của Công ty trước thời điểm kiểm toán độc lập.

+ Báo cáo HĐQT định kỳ và theo vụ việc về kết quả công tác kiểm tra, thẩm tra, giám sát đã thực hiện.

+ Thực hiện các công việc khác do HĐQT giao.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Với vai trò là người thay mặt Đại hội đồng cổ đông để quản lý công ty, HĐQT trong năm đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình.

+ Kiện toàn lại Công ty theo hướng tập trung và tinh gọn, thay đổi Ban Tổng giám đốc điều hành, tổ chức lại các tổ kinh doanh, các phòng ban Công ty. Tất cả các nhóm hàng hoạt động đều có hiệu quả.

+ Hoàn thiện công tác quản trị Công ty công khai minh bạch và hiệu quả. Điều chỉnh quy chế trả lương thưởng phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo thu nhập người lao động.

+ Trong năm HĐQT Công ty cũng đã xem xét bổ sung, sửa đổi cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ các phòng ban Cty, quyết định đầu tư mua sắm xe ô tô con và sửa chữa cải tạo khuôn viên, sân lửng tầng 2 và mái chống nóng nhà điều hành.

- HĐQT luôn tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty, các thành viên luôn cẩn trọng trong công tác và cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ.

Trong năm đã có 4 cuộc họp, ban hành 09 Quyết định và 29 Nghị quyết.

Công tác giám sát của HĐQT đối với Ban TGD điều hành và cán bộ quản lý công ty, luôn được tiến hành chặt chẽ, có hệ thống với tinh thần trách nhiệm cao với cổ đông và tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý, điều hành SXKD.

- Đánh giá chung

Năm 2022 với nhiều biến động phức tạp, khó lường đã tác động đặc biệt to lớn đến kinh tế xã hội nói chung và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói riêng.

Trong bối cảnh đó HĐQT Công ty đã có những quyết sách đúng đắn kịp thời lãnh đạo và quản lý công ty vượt qua thử thách giữ vững sự ổn định, đảm bảo công ăn việc làm thu nhập của người lao động, nộp ngân sách nhà nước, cơ cấu lại công tác tổ chức, nâng cấp công tác quản trị toàn công ty.

Đây là những thành tựu hết sức có ý nghĩa khẳng định bản lĩnh, vai trò của HĐQT cũng như sự trưởng thành của hệ thống quản lý công ty.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP (%)		TT về giao dịch CP
		Năm 2021	Năm 2022	
Cao Thị Hiền	Trưởng Ban kiểm soát	30.000	500	Bán : 30.000 Mua: 500
Nguyễn Quang Long	Thành viên Ban kiểm soát			
Trịnh Đình Thắng	Thành viên Ban kiểm soát		500	

*** Bà Cao Thị Hiền****Trưởng ban Kiểm soát**

Giới tính: Nữ
 Số Thẻ CCCD: 038182010560 Ngày cấp: 25/04/2021
 Ngày tháng năm sinh: 15/10/1982
 Nơi sinh: Xã Hoàng Quang - Huyện Hoằng Hóa - Thanh Hóa
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Xã Hoàng Quang - Huyện Hoằng Hóa - Thanh Hóa
 Địa chỉ thường trú: 32B Đức Hậu - Phố 2 - P.Quảng Hưng - TP T. Hoá
 Số điện thoại liên lạc: 0941046996
 Trình độ văn hoá: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh.

Quá trình công tác:

09/2003 - 05/2004	Nhân viên hành chính Công ty CP TM&DV Thanh Hoa
06/2004 - 05/2013	Nhân viên Hành chính Cty CP Thanh Hoa Sông Đà
06/2013 – 05/2014	Phó Phòng Hành chính Cty CP Thanh Hoa Sông Đà
06/2014 – 20/6/2022	Ủy viên Ban kiểm soát, Phó Phòng Hành chính Cty CP Thanh Hoa Sông Đà
20/6/2022 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT, Thủ quỹ Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
 Số cổ phần nắm giữ: 500 cổ phần
 Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ:

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
1	Đỗ Đình Bình	Chồng	50

Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Các khoản nợ đối với Công ty: Không
 Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Ông Trịnh Đình Thắng – Thành viên BKS

Giới tính : Nam
 Số CMTND : 038086015457 Ngày cấp: 11/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát
 Ngày tháng năm sinh: 07/8/1986
 Nơi sinh : Xã Định Hưng, Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Xã Định Hưng, Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
 Địa chỉ thường trú : Phố Vệ Yên 1, Quảng Thắng, TP Thanh Hóa, TH
 Số điện thoại liên lạc: 0919022981
 Trình độ văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân QTKD

Quá trình công tác:

- T7/2009 - 9/2009: NV PTTT Công ty TNHH Đại phát và Công ty TNHH MTV LIM
- T10/2009 - 7/2010: NVKD C.ty TNHH DVBV SG Nam Chính Trực - CN tại Đà Nẵng
- T8/2010 - 2/2011: CB thống kê Công ty TNHH MTV Dệt 8/3
- T6/2012 - 3/2015: Công ty CP Trung Tín
- T7/2015 - 20/7/2022: NVKD Công ty CP Thanh Hoa Sông Đà
- Từ 20/7/2022 đến nay: Trưởng phòng phát triển thị trường

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng phòng phát triển thị trường

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 100 CP

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ:

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
1	Nguyễn Thị Quỳnh	Vợ	50

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

*** Ông Nguyễn Quang Long – Thành viên BKS**

Giới tính : Nam
 Số CMTND : 038071000188 Ngày cấp: 09/5/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát
 Ngày tháng năm sinh: 01/5/1971
 Nơi sinh : Xã Hoằng Đạo, Huyện Hoằng Hóa, Thanh Hóa
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Xã Hoằng Đạo, Huyện Hoằng Hóa, Thanh Hóa
 Địa chỉ thường trú : 116 Trịnh Khả, Phường Đông Vệ, TP Thanh Hóa
 Số điện thoại liên lạc : 0936 384 968
 Trình độ văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

2001 - 2008	Kế toán Công ty Xuất khẩu lao động và chuyên gia Thanh Hóa
2009 – 2015	Kế toán Công ty CP Vật tư tổng hợp Thanh Hóa
2015 đến nay	Kế toán trưởng Công ty TNHH Cơ Nhiệt điện Thành Nam

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Không

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty TNHH Cơ - Nhiệt - Điện Thành Nam

Số cổ phần nắm giữ: Không

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2022 ban Kiểm soát đã tổ chức cuộc họp định kỳ và tham dự tất cả các cuộc họp Hội đồng Quản trị Công ty, nhằm duy trì việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đóng góp ý kiến trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn.

- Tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT, ban Tổng giám đốc Công ty năm 2022 cụ thể:

- Xem xét pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, ban Tổng Giám đốc trong năm 2022 theo các quy định của pháp luật và của Công ty.

- Thẩm định báo cáo Tài chính các quý, cũng như năm của Công ty, nhằm đánh giá trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam...

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và BKS

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và BKS năm 2022

Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương, thưởng	Thù lao	Tổng thu nhập
Ông Lê Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 20/6/2022) Thành viên HĐQT (đến ngày 20/6/2022)	-	70.800.000	70.800.000
Ông Trương Vạn Thành	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 20/6/2022)	-	201.450.000	201.450.000
Bà Vũ Thị Lý	TV HĐQT (từ ngày 20/6/2022) kiêm TGĐ (từ ngày 19/04/2022)	130.488.000	12.000.000	142.488.000
Ông Vũ Mạnh Đoàn	Thành viên Hội đồng Quản trị (từ ngày 20/6/2022)	-	12.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Thanh Hải	TV HĐQT (đến ngày 20/6/2022) kiêm TGĐ (đến ngày 19/04/2022)	78.004.000	52.800.000	130.804.000

Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương, thưởng	Thù lao	Tổng thu nhập
Ông Lê Văn Tường	Thành viên HĐQT (đến ngày 20/6/2022)	-	52.800.000	52.800.000
Ông Lê Mạnh Chiến	Thành viên HĐQT (đến ngày 20/6/2022)	-	52.800.000	52.800.000
Ông Phạm Văn Lợi	Phó Tổng Giám đốc	122.022.000	-	122.022.000
Bà Hoàng Thị An	Kế toán trưởng (từ ngày 19/04/2022)	55.746.000	-	55.746.000
Đỗ Văn Thái	Trưởng BKS (đến ngày 20/6/2022)		33.000.000	33.000.000
Cao Thị Hiền	Trưởng BKS (từ ngày 20/6/2022) UV BKS (đến ngày 20/6/2022)		18.000.000	18.000.000
Nguyễn Quang Long	Thành viên BKS		30.000.000	30.000.000
Trịnh Đình Thắng	Thành viên BKS (từ ngày 20/6/2022)		12.000.000	12.000.000
Cộng		386.260.000	547.650.000	933.910.000

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Không có

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán



CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
đã được kiểm toán*

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**

Trụ sở chính: 29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tel: (84-28) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84-28) 3910 4880
CN Hà Nội: P408 Tòa 17T1 đường Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Tel: (84-24) 6281.1281

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 – 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6 – 34
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 34

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2800772376 ngày 19 tháng 5 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là kinh doanh hàng hóa và cho thuê văn phòng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Anh Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20/06/2022
Ông Lê Anh Tuấn	Ủy Viên	Đến ngày 20/06/2022
Ông Trương Văn Thành	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 20/06/2022
Bà Vũ Thị Lý	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20/06/2022
Ông Vũ Mạnh Đoàn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20/06/2022
Ông Nguyễn Thanh Hải	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20/06/2022
Ông Lê Văn Tường	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20/06/2022
Ông Lê Mạnh Chiến	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20/06/2022

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Bà Vũ Thị Lý	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/04/2022
Ông Nguyễn Thanh Hải	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19/04/2022
Ông Phạm Văn Lợi	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Hoàng Thị An	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 19/04/2022
Bà Vũ Thị Lý	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 19/04/2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thanh Hóa, ngày 07 tháng 3 năm 2023

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Vũ Thị Lý

Số : 13.1/2023/BCKT/AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà được lập ngày 07 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ sở chính

29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3910 3908 / Fax: 028 3910 4880
Email: namviet@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

P408 Tòa 17T1 đường Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội / Điện thoại: 024 6281.1281
Email: info@namviethn.vn / Web: www.aascn.com.vn

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 07 tháng 3 năm 2023

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài
chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt
Giám đốc**



Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2023-152-1

Kiểm toán viên

Lê Mỹ Trang

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3764-2021-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		47.109.432.157	49.803.192.944
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	3.293.567.234	4.198.290.014
1.	Tiền	111		3.293.567.234	4.198.290.014
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.207.829.291	11.591.762.075
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	9.034.460.777	6.114.257.035
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	539.438.780	404.443.481
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	2.473.912.993	5.916.745.718
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.05	(839.983.259)	(843.684.159)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	31.556.520.329	32.874.454.487
1.	Hàng tồn kho	141		32.309.041.619	33.389.751.223
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(752.521.290)	(515.296.736)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		1.051.515.303	1.138.686.368
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	181.183.277	152.753.256
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		287.288.026	819.104.915
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	583.044.000	166.828.197
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23.853.956.583	24.197.745.584
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.03	-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		12.654.379.319	12.505.833.273
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	12.654.379.319	12.505.833.273
	- Nguyên giá	222		28.125.631.314	26.600.803.432
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(15.471.251.995)	(14.094.970.159)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.08	10.990.852.855	11.599.502.935
1.	Nguyên giá	231		20.870.696.426	20.870.696.426
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(9.879.843.571)	(9.271.193.491)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		208.724.409	92.409.376
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	208.724.409	92.409.376
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		70.963.388.740	74.000.938.528

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HÒA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		30.782.573.904	34.362.683.313
I.	Nợ ngắn hạn	310		30.782.573.904	34.362.683.313
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	13.211.108.637	16.317.250.379
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		308.303.702	772.640.669
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	362.066.370	414.961.187
4.	Phải trả người lao động	314		50.662.991	446.692.689
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	422.354.768	262.575.284
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	16.423.461.558	15.562.530.713
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.615.878	586.032.392
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.14	-	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		40.180.814.836	39.638.255.215
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.14	40.180.814.836	39.638.255.215
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		(2.162.020.000)	(2.162.020.000)
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		8.923.178.729	8.023.178.729
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.419.656.107	3.777.096.486
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		-	-
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		3.419.656.107	3.777.096.486
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		70.963.388.740	74.000.938.528

Thanh Hóa, ngày 07 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Tâm



Hoàng Thị An



Vũ Thị Lý

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	252.825.651.555	278.554.313.308
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	17.636.390	138.804.546
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		252.808.015.165	278.415.508.762
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	233.184.951.030	258.106.183.932
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.623.064.135	20.309.324.830
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	137.458.187	295.388.814
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	1.276.029.271	863.609.908
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.274.536.771</i>	<i>863.609.908</i>
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	10.062.728.801	10.552.980.317
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	4.602.475.137	5.028.513.272
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.819.289.113	4.159.610.147
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	1.869.214.005	1.618.172.812
12.	Chi phí khác	32	VI.07	1.313.138.343	1.055.273.382
13.	Lợi nhuận khác	40		556.075.662	562.899.430
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.375.364.775	4.722.509.577
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	955.708.668	945.413.091
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.419.656.107	3.777.096.486
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.200	1.333
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	1.200	1.333

Người lập biểu



Hoàng Thị Tâm

Kế toán trưởng



Hoàng Thị An

Thanh Hóa, ngày 07 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Vũ Thị Lý

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		4.375.364.775	4.722.509.577
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		2.676.582.415	2.573.243.066
-	Các khoản dự phòng	03		249.403.654	(155.854.354)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		113.684.551	(321.070.059)
-	Chi phí lãi vay	06		1.274.536.771	863.609.908
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		8.689.572.166	7.682.438.138
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		382.354.770	(820.461.108)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.080.709.604	1.384.690.167
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(3.826.390.113)	(11.258.864.651)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(144.745.054)	116.713.959
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(1.276.001.952)	(863.609.908)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(983.326.324)	(766.708.443)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(758.513.000)	(235.963.000)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		3.163.660.097	(4.761.764.846)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(3.076.570.836)	(507.283.636)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		653.636.363	109.090.909
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		197.771.541	106.979.150
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(2.225.162.932)	(291.213.577)

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HÒA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		93.841.254.394	113.508.223.775
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(92.980.323.549)	(106.019.313.212)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.704.150.790)	(2.846.186.500)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.843.219.945)	4.642.724.063
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(904.722.780)	(410.254.360)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.198.290.014	4.608.544.374
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		3.293.567.234	4.198.290.014

Thanh Hóa, ngày 07 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Hoàng Thị Tâm

Hoàng Thị An

Vũ Thị Lý

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và kinh doanh bất động sản.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là kinh doanh hàng hóa và cho thuê văn phòng.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc đến 30/6/2022:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Thương mại - Dịch vụ số 1	Lô CC4, KCN Tây Bắc Ga, Đông Thọ, Thanh Hóa
Xí nghiệp Thương mại - Dịch vụ số 2	Số 13 Cao Thắng, P.Lam Sơn, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa
Xí nghiệp Thương mại - Dịch vụ số 3	Số 301 Trần Phú, P.Ba Đình, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa
Xí nghiệp Thương mại - Dịch vụ số 6	Lô CC4, KCN Tây Bắc Ga, Đông Thọ, Thanh Hóa

Từ ngày 01/7/2022, các xí nghiệp đã hạch toán tập trung.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số nhân viên của Công ty là 36 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 64 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20 năm
- Máy móc, thiết bị	04 – 08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 08 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa

30 – 36 năm

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

08. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

09. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có quyết định hoặc thông báo chia cổ tức cho các cổ đông.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều năm được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ cung cấp trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền	3.293.567.234	4.198.290.014
+ Tiền mặt	2.566.246.637	1.483.743.760
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	727.320.597	2.714.546.254
- Các khoản tương đương tiền (*)	-	-
Cộng	3.293.567.234	4.198.290.014

02. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	9.034.460.777	6.114.257.035
- Công ty TNHH Xây dựng Giao thông Thủy lợi Tân Hạnh	-	340.706.000
- Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La	936.151.900	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	8.098.308.877	5.773.551.035
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	9.034.460.777	6.114.257.035

03. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	539.438.780	404.443.481
- Công ty Cổ phần Đại Đồng Tiến	358.902.890	182.499.520
- Công ty Cổ phần May Sông Hồng	-	201.865.209
- Công ty Cổ phần Liên doanh Kangaroo Quốc tế	155.521.996	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	25.013.894	20.078.752
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng	539.438.780	404.443.481

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

04. Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	2.473.912.993	-	5.916.745.718	-
- Tạm ứng	-	-	6.460.161	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	3.000.000.000	-
- Phải thu tiền thưởng doanh số	2.464.186.466	-	2.798.017.757	-
+ Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	1.473.373.718	-	1.059.691.234	-
+ Công ty Cổ phần May Sông Hồng	-	-	20.000.000	-
+ Công ty TNHH Điện máy AQUA Việt Nam	549.197.639	-	213.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Phích nước Rạng Đông	-	-	1.087.290.000	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Nội thất The One	128.060.900	-	-	-
+ Công ty Cổ phần sứ Hải Dương	-	-	40.000.000	-
+ Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Qui Phúc	43.919.994	-	17.258.366	-
+ Công ty Cổ phần Liên doanh Kangaroo quốc tế	269.634.215	-	360.778.157	-
- Lãi dự thu	-	-	105.000.000	-
- Phải thu khác	9.726.527	-	7.267.800	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	2.473.912.993	-	5.916.745.718	-

05. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Toàn Thắng TDT	Trên 3 năm	331.690.000	-	Trên 3 năm	331.690.000	-
Công ty TNHH Quang Minh	Trên 3 năm	112.625.501	-	Trên 3 năm	112.625.501	-
Phải thu tổ chức và cá nhân khác		405.049.158	9.381.400		418.183.158	18.814.500
	6T – 1 năm	13.402.000	9.381.400	6T – 1 năm	-	-
	1 - 2 năm	-	-	1 - 2 năm	-	-
	2 - 3 năm	-	-	2 - 3 năm	62.715.000	18.814.500
	Trên 3 năm	391.647.158	-	Trên 3 năm	355.468.158	-
Cộng		849.364.659	9.381.400		862.498.659	18.814.500

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng hoá	32.309.041.619	(752.521.290)	33.389.751.223	(515.296.736)
Cộng	32.309.041.619	(752.521.290)	33.389.751.223	(515.296.736)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, giá trị hàng tồn kho dùng cầm cố thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng là 32.309.041.619 đồng theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 30057250/2022/HĐBĐ/NHCT424-HTK ngày 17/5/2022.

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>14.603.333.395</i>	<i>4.413.794.233</i>	<i>7.583.675.804</i>	<i>26.600.803.432</i>
- Mua trong năm	1.506.407.200	-	1.570.163.636	3.076.570.836
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.551.742.954)	(1.551.742.954)
- Giảm khác	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>16.109.740.595</i>	<i>4.413.794.233</i>	<i>7.602.096.486</i>	<i>28.125.631.314</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>5.803.058.868</i>	<i>4.116.160.785</i>	<i>4.175.750.506</i>	<i>14.094.970.159</i>
- Khấu hao trong năm	947.057.801	122.276.412	998.598.122	2.067.932.335
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(691.650.499)	(691.650.499)
- Phân loại lại	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>6.750.116.669</i>	<i>4.238.437.197</i>	<i>4.482.698.129</i>	<i>15.471.251.995</i>
III. Giá trị còn lại				
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>8.800.274.527</i>	<i>297.633.448</i>	<i>3.407.925.298</i>	<i>12.505.833.273</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>9.359.623.926</i>	<i>175.357.036</i>	<i>3.119.398.357</i>	<i>12.654.379.319</i>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 7.737.140.662 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 14.187.049.424 đồng và 7.950.918.713 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thanh Hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá	20.870.696.426	-	-	20.870.696.426
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	20.870.696.426	-	-	20.870.696.426
II. Giá trị hao mòn lũy kế	9.271.193.491	608.650.080	-	9.879.843.571
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	9.271.193.491	608.650.080	-	9.879.843.571
III. Giá trị còn lại	11.599.502.935	-	608.650.080	10.990.852.855
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	11.599.502.935	-	608.650.080	10.990.852.855

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, bất động sản đầu tư là Trung tâm thương mại số 25 Lê Lợi có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 15.488.315.193 đồng và 8.837.900.389 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cần được trình bày. Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

09. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	181.183.277	152.753.256
- Chi phí bảo hiểm	60.511.816	69.742.646
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	54.325.835	25.203.886
- Chi phí thuê kho	-	25.000.000
- Chi phí sửa chữa	46.811.522	18.852.769
- Các khoản khác	19.534.104	13.953.955
b. Dài hạn	208.724.409	92.409.376
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	36.387.441	43.217.589
- Chi phí sửa chữa tài sản	167.496.698	-
- Các khoản khác	4.840.270	49.191.787
Cộng	389.907.686	245.162.632

Đơn vị tính: VND

10. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	15.562.530.713	15.562.530.713	93.841.254.394	92.980.323.549	16.423.461.558	16.423.461.558
- Vay ngân hàng	15.541.599.563	15.541.599.563	93.330.535.394	92.448.673.399	16.423.461.558	16.423.461.558
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa (*)	15.541.599.563	15.541.599.563	73.720.231.836	80.987.248.399	8.274.583.000	8.274.583.000
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thanh Hóa (**)	-	-	19.610.303.558	11.461.425.000	8.148.878.558	8.148.878.558
- Vay đối tượng khác	20.931.150	20.931.150	510.719.000	531.650.150	-	-
+ Ông Trần Phú Nhâm	20.931.150	20.931.150	-	20.931.150	-	-
+ Ông Trương Công Thành	-	-	510.719.000	510.719.000	-	-
Cộng	15.562.530.713	15.562.530.713	93.841.254.394	92.980.323.549	16.423.461.558	16.423.461.558

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn:

(*) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa theo Hợp đồng tín dụng số: 3500-LAV-202200535 ngày 18/04/2022, thời hạn cấp tín dụng đến 18/04/2023, hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 VND. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ phương án kinh doanh thương mại kỳ 2022-2023. Thời hạn vay là 03 tháng. Lãi suất vay trong năm là từ 7%-9/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01-2022 ngày 15/04/2022 (sửa đổi Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất số: 01-2014 THSD/HDTG ngày 18/04/2014).

(**) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bắc Thanh Hóa theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 300057250/2022-HĐCNHM/CT424-THANHHOASONGDA ngày 17/5/2022, thời hạn cấp tín dụng đến 09/5/2023, hạn mức tín dụng là 55.000.000.000 VND. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại. Thời hạn vay là 6 tháng. Lãi suất vay trong năm là từ 6,5%-9%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 300057250/2022/HĐBĐ/NHCT424/CV881671 ngày 17/5/2022, tài sản là hàng hóa theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 300057250/2022/HĐBĐ/NHCT424-HTK ngày 17/5/2022 và Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số: 300057250/2021/HĐBĐ/NHCT424-QĐN ngày 17/5/2022 và Hợp đồng Bảo đảm phát sinh thêm sau ngày ký kết hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HÒA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	13.211.108.637	13.211.108.637	16.317.250.379	16.317.250.379
- Công ty Cổ phần Bông đèn Phích nước Rạng Đông	7.788.349.368	7.788.349.368	5.101.120.276	5.101.120.276
- Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát	-	-	3.064.383.302	3.064.383.302
- Công ty TNHH Thương mại Hương Thủy	-	-	1.169.721.583	1.169.721.583
- Công ty TNHH Một thành viên Quang điện - Điện tử	-	-	1.734.455.005	1.734.455.005
- Công ty TNHH sản xuất TM và dịch vụ Thành Nhân	1.643.129.195	1.643.129.195	2.429.274.600	2.429.274.600
- Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Nội thất The One	1.181.083.637	1.181.083.637	-	-
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	2.598.546.437	2.598.546.437	2.818.295.613	2.818.295.613
Cộng	13.211.108.637	13.211.108.637	16.317.250.379	16.317.250.379

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	166.828.197	-	595.196.666	428.368.469	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	387.018.814	955.708.668	983.326.324	-	359.401.158
- Thuế thu nhập cá nhân	-	27.942.373	175.246.175	200.523.336	-	2.665.212
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	1.402.962.083	1.986.006.083	583.044.000	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	45.279.672	45.279.672	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	40.800.000	40.800.000	-	-
Cộng	166.828.197	414.961.187	3.215.193.264	3.684.303.884	583.044.000	362.066.370

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***13. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	422.354.768	262.575.284
- Kinh phí công đoàn	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12.448.133	15.448.133
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	80.906.635	85.057.425
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	329.000.000	162.069.726
+ Chi phí tri ân, hỗ trợ khách hàng	329.000.000	160.604.545
+ Lãi vay phải trả	-	1.465.181
Cộng	422.354.768	262.575.284

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	(2.162.020.000)	7.600.948.010	3.185.949.719	38.624.877.729
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	3.777.096.486	3.777.096.486
Phân phối lợi nhuận	-	-	422.230.719	(3.185.949.719)	(2.763.719.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	30.000.000.000	(2.162.020.000)	8.023.178.729	3.777.096.486	39.638.255.215
Số dư đầu năm nay					
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm	-	-	-	3.419.656.107	3.419.656.107
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	900.000.000	(3.777.096.486)	(2.877.096.486)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	30.000.000.000	(2.162.020.000)	8.923.178.729	3.419.656.107	40.180.814.836

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2022/THS/NQ-DHĐCD ngày 10 tháng 03 năm 2022, Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Số tiền
Trích quỹ đầu tư phát triển	900.000.000
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	101.554.486
Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	75.542.000
Trích cổ tức chi trả	2.700.000.000
Tổng phân phối lợi nhuận	3.777.096.486

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
+ Ông Trương Vạn Thành	-	0,00	2.863.000.000	9,54
+ Ông Nguyễn Thanh Hải	-	0,00	2.250.000.000	7,50
+ Ông Lê Anh Tuấn	21.323.090.000	71,08	6.579.500.000	21,93
+ Ông Nguyễn Xuân Bắc	3.438.840.000	11,46	2.984.140.000	9,95
+ Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	-	0,00	2.148.410.000	7,16
+ Bà Lê Thị Huệ	720.830.000	2,40	-	-
+ Các đối tượng khác	1.517.240.000	5,06	10.174.950.000	33,92
+ Cổ phiếu quỹ	3.000.000.000	10,00	3.000.000.000	10,00
Cộng	30.000.000.000	100	30.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.700.000.000	2.700.000.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	300.000	300.000
+ Cổ phiếu phổ thông	300.000	300.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	8.923.178.729	8.023.178.729
Cộng	8.923.178.729	8.023.178.729

15. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**a. Nợ khó đòi đã xử lý**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nợ khó đòi đã xử lý	1.121.374.109	1.105.494.109

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HÓA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Đơn vị tính: VND***01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	242.148.865.482	268.545.316.155
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	10.676.786.073	10.008.997.153
Cộng	252.825.651.555	278.554.313.308

Trong đó:

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết xem thuyết minh VIII.02)	9.125.058.703	-
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>8.977.349.630</i>	<i>-</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>147.709.073</i>	<i>-</i>

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại	6.318.208	25.250.000
- Hàng bán bị trả lại	11.318.182	113.554.546
Cộng	17.636.390	138.804.546

03. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	231.082.691.048	256.257.159.912
- Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	1.865.035.428	1.896.250.624
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	237.224.554	(47.226.604)
Cộng	233.184.951.030	258.106.183.932

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	92.771.541	211.979.150
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	44.686.646	83.409.664
Cộng	137.458.187	295.388.814

05. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	1.274.536.771	863.609.908
- Chi phí tài chính khác	1.492.500	-
Cộng	1.276.029.271	863.609.908

06. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Lãi thanh lý TSCĐ	-	109.090.909
- Tiền điện nước cho thuê mặt bằng	1.036.188.020	1.013.315.779
- Tiền khuyến mãi, hỗ trợ bán hàng	817.873.284	476.950.786
- Xử lý công nợ	15.152.701	6.815.338
- Các khoản khác	-	12.000.000
Cộng	1.869.214.005	1.618.172.812

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀSố 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Lỗ thanh lý TSCĐ	206.456.092	-
- Tiền điện, nước cho thuê mặt bằng	1.054.192.046	1.041.063.027
- Các khoản bị phạt	47.185.436	3.855.876
- Chi phí khác	5.304.769	10.354.479
Cộng	1.313.138.343	1.055.273.382

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.602.475.137	5.028.513.272
- Chi phí nhân viên quản lý	2.608.932.552	3.226.588.113
- Chi phí đồ dùng văn phòng	268.748.259	87.882.630
- Chi phí khấu hao TSCĐ	582.209.833	330.240.218
- Thuế, phí và lệ phí	49.525.882	49.525.883
- Chi phí dự phòng	12.179.100	9.091.029
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	116.765.284	203.144.284
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	964.114.227	1.122.041.115
b. Chi phí bán hàng	10.062.728.801	10.552.980.317
- Chi phí nhân viên	4.941.324.709	5.305.697.313
- Chi phí vật liệu, bao bì	1.066.894.468	766.761.511
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	59.394.847	88.217.561
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.485.722.502	1.634.352.768
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	691.396.953	667.915.489
- Các khoản chi phí bán hàng khác	1.817.995.322	2.090.035.675
Cộng	14.665.203.938	15.581.493.589

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	884.510.042	945.413.091
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	71.198.626	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	955.708.668	945.413.091

(*) Chi tiết xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	4.375.364.775	4.722.509.577
Các khoản điều chỉnh tăng	47.185.436	4.555.876
Phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp thuế	47.185.436	3.855.876
Chi phí khác	-	700.000
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	4.422.550.211	4.727.065.453
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	884.510.042	945.413.091

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	3.419.656.107	3.777.096.486
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.419.656.107	3.777.096.486
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	180.000.000	177.096.486
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.700.000	2.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.200	1.333

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập từ lợi nhuận năm 2022 tạm tính theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	3.419.656.107	3.777.096.486
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.419.656.107	3.777.096.486
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	180.000.000	177.096.486
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.700.000	2.700.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.200	1.333

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập từ lợi nhuận năm 2022 tạm tính theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Chi phí nhân công	7.550.257.261	8.532.285.426
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.676.582.415	2.573.243.066
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	808.162.237	871.059.773
- Chi phí khác bằng tiền	5.483.058.353	5.492.064.919
- Chi phí dự phòng	12.179.100	9.091.029
Cộng	16.530.239.366	17.477.744.213

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Đơn vị tính: VND</u> <u>Năm trước</u>
<i>Bà Nguyễn Thị Hoa - Vợ ông Nguyễn Thanh Hải -</i>		
<i>Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty</i>		
Vay	-	1.000.000.000
Trả vay	-	1.000.000.000
Lãi vay	-	12.753.750

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không còn công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

Chi tiết thu nhập các thành viên quản lý chủ chốt năm 2022:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Tiền lương, thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Tổng thu nhập</u>
Ông Lê Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 20/6/2022)	-	70.800.000	70.800.000
	Thành viên HĐQT (đến ngày 20/6/2022)			
Ông Trương Vạn Thành	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 20/6/2022)	-	201.450.000	201.450.000
Bà Vũ Thị Lý	Thành viên Hội đồng Quản trị (từ ngày 20/6/2022) kiêm Tổng Giám đốc (từ ngày 19/04/2022)	130.488.000	12.000.000	142.488.000
Ông Vũ Mạnh Đoàn	Thành viên Hội đồng Quản trị (từ ngày 20/6/2022)	-	12.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên Hội đồng Quản trị (đến ngày 20/6/2022) kiêm Tổng Giám đốc (đến ngày 19/04/2022)	78.004.000	52.800.000	130.804.000
Ông Lê Văn Tường	Thành viên HĐQT (đến ngày 20/6/2022)	-	52.800.000	52.800.000
Ông Lê Mạnh Chiến	Thành viên HĐQT (đến ngày 20/6/2022)	-	52.800.000	52.800.000
Ông Phạm Văn Lợi	Phó Tổng Giám đốc	122.022.000	-	122.022.000
Bà Hoàng Thị An	Kế toán trưởng (từ ngày 19/04/2022)	55.746.000	-	55.746.000
Cộng		386.260.000	454.650.000	840.910.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

Chi tiết thu nhập các thành viên quản lý chủ chốt năm 2021:

Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương, thưởng	Thù lao	Tổng thu nhập
Ông Trương Văn Thành	Chủ tịch HĐQT	402.900.000	-	402.900.000
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	240.132.000	105.600.000	345.732.000
Ông Lê Văn Tường	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	180.081.000	105.600.000	285.681.000
Ông Lê Mạnh Chiến	Thành viên HĐQT	-	105.600.000	105.600.000
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	-	13.200.000	13.200.000
Bà Chu Thị Hòa	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	100.596.000	92.400.000	192.996.000
Ông Phạm Văn Lợi	Phó Tổng Giám đốc	197.519.750	-	197.519.750
Bà Vũ Thị Lý	Kế toán trưởng	169.812.000	39.600.000	209.412.000
Cộng		1.291.040.750	462.000.000	1.753.040.750

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Công ty cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại Thanh Hóa

Công ty TNHH Cơ - nhiệt - điện Thành Nam

Mối quan hệ

Ông Lê Anh Tuấn - Chủ tịch HĐQT đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại Thanh Hóa

Ông Lê Anh Tuấn - Chủ tịch HĐQT đồng thời là cổ đông góp vốn tại Công ty TNHH Cơ - nhiệt - điện Thành Nam

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Bán hàng hóa	8.977.349.630	-
Công ty cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại Thanh Hóa	8.977.349.630	-
Cung cấp dịch vụ	147.709.073	-
Công ty cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại Thanh Hóa	147.709.073	-
Mua hàng hóa, tài sản và sử dụng dịch vụ	1.737.667.845	-
Công ty TNHH Cơ - nhiệt - điện Thành Nam	1.737.667.845	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không còn số dư công nợ với các bên liên quan khác.

03. Báo cáo bộ phận**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại;
- Lĩnh vực kinh doanh Bất động sản.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

		Đơn vị tính: VND	
		Thương mại	Kinh doanh BĐS
Năm nay			Cộng
-	Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	242.131.229.092	252.808.015.165
-	Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-
-	Chi phí phân bổ	242.527.020.729	248.988.726.052
-	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(395.791.637)	3.819.289.113
-	Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	3.703.604.996	3.703.604.996
-	Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.550.221.441	3.158.871.521
Số dư cuối năm			
-	Tài sản trực tiếp của bộ phận	56.678.968.651	67.669.821.506
-	Tài sản không phân bổ		3.293.567.234
Tổng tài sản		56.678.968.651	70.963.388.740
-	Nợ phải trả bộ phận	30.760.639.876	30.777.958.026
-	Nợ phải trả không phân bổ		4.615.878
Tổng nợ phải trả		30.760.639.876	30.782.573.904

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Thương mại	Kinh doanh BDS	Cộng
Năm trước			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	268.406.511.609	10.008.997.153	278.415.508.762
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	267.265.132.976	6.990.765.639	274.255.898.615
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.141.378.633	3.018.231.514	4.159.610.147
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	530.113.909	-	530.113.909
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.115.016.457	608.650.080	2.723.666.537
Số dư cuối năm trước			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	58.203.145.579	11.599.502.935	69.802.648.514
- Tài sản không phân bổ			4.198.290.014
Tổng tài sản	58.203.145.579	11.599.502.935	74.000.938.528
- Nợ phải trả bộ phận	33.740.254.707	36.396.214	33.776.650.921
- Nợ phải trả không phân bổ			586.032.392
Tổng nợ phải trả	33.740.254.707	36.396.214	34.362.683.313

Đơn vị tính: VND

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.293.567.234	-	4.198.290.014	-	3.293.567.234	4.198.290.014
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.508.373.770	(839.983.259)	8.919.542.592	(843.684.159)	(*)	(*)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	14.801.941.004	(839.983.259)	13.117.832.606	(843.684.159)		

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	13.211.108.637	16.317.250.379	(*)	(*)
Vay và nợ	16.423.461.558	15.562.530.713	(*)	(*)
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	409.906.635	247.127.151	(*)	(*)
Cộng	30.044.476.830	32.126.908.243		

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**05. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	13.211.108.637	-	-	13.211.108.637
Vay và nợ	16.423.461.558	-	-	16.423.461.558
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	409.906.635	-	-	409.906.635
Cộng	30.044.476.830	-	-	30.044.476.830
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	16.317.250.379	-	-	16.317.250.379
Vay và nợ	15.562.530.713	-	-	15.562.530.713
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	247.127.151	-	-	247.127.151
Cộng	32.126.908.243	-	-	32.126.908.243

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – chi nhánh phía Bắc. Trong đó, một số chỉ tiêu được trình bày lại cho phù hợp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

STT	Nội dung	Số liệu đã trình bày trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Số liệu trình bày lại trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.346	1.333
2	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.346	1.333

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Thanh Hóa, ngày 07 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Tâm



Hoàng Thị An



Vũ Thị Lý

Nơi nhận:

- Như K/g;
- HĐQT, BKS;
- Lưu TK HĐQT.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY**



Lê Anh Tuấn